

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS- PT

Ngày: 31/3/2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngữ, bà Trần Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/**2023**/TLPT- DS ngày 10/2/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐ-PT ngày 24/3/2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1950, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh B.

- **Bị đơn:** Ông Trần Đình H, sinh năm 1940, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1952, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh B.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hải Linh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, (Có mặt).

- Người làm chứng:

* Người kháng cáo: Ông Vũ Quốc Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Vũ Quốc Đ trình bày: Ông Trần Đình H có vay của ông Đ 03 lần cụ thể:

+Lần 1 là 1.000.000 đồng.

+ Lần 2 là 1.500.000 đồng.

+ Lần 3 là 500.000 đồng.

Các ngày cụ thể của các lần vay tiền thì ông Đ không nhớ, nhưng đến ngày 21/10/1991, ông H đã viết giấy nhận nợ ông Đ với số tiền là 3.000.000 đồng và quy đổi ra vàng là 550.000 đồng/chỉ. Ông Đ đã đòi ông H nhiều lần nhưng ông H không trả. Ngày 04/5/2022, ông Đ có xuống nhà ông H đòi và có mang theo giấy tờ gốc nhưng ông H đã có hành vi tiêu hủy chứng từ gốc và không trả tiền ông Đ. Nay ông Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B buộc ông Trần Đình H phải trả ông Đ số tiền quy đổi theo giá vàng 5,4545 chỉ (tương đương với 28.908.850 đồng) theo giấy nhận nợ viết ngày 21/10/1991 và yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi trên số tiền 28.908.850 đồng theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/5/2022 đến ngày 04/10/2022 là 1.204.535 đồng

* Bị đơn ông Trần Đình H trình bày: Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc Đ. Việc ông Đ yêu cầu ông trả số tiền như trong đơn khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị ông Đ xuất trình bản gốc giấy vay nợ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Chung trình bày: Việc vay nợ giữa ông H và ông Đ có đầy đủ giấy tờ gốc ông Đ giao cho bà giữ nhưng đến tháng 5/2022, ông Đ có bảo bà đưa giấy tờ gốc để ông Đ xuống nhà ông H đòi nợ nhưng ông H đã cầm giấy tờ gốc và có hành vi tiêu hủy giấy gốc nhưng ông Đ đã phô tô lại giấy tờ gốc và còn lưu lại bản phô tô có nguồn gốc từ bản chính. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

* Người làm chứng ông Nguyễn Khắc Huê trình bày: Ông Huê làm nghề photocopy đánh máy tại cổng trường lái xe. Ông không có quan hệ gì với ông Đ và ông H. Ngày 04/5/2022, Ông Đ có đến thuê ông đánh máy đơn khởi kiện với nội dung đòi tiền ông H. Ông Đ có cho ông xem qua giấy tờ mà ông Đ cho rằng đó là giấy vay gốc giữa ông Đ và ông H, chữ viết trong giấy vay nợ theo ông nhớ là chữ mẫu đen, nội dung cụ thể của giấy vay đó ghi gì thì ông Huê không nắm được. Ông Huê không có căn cứ gì chứng minh về việc ông được xem giấy tờ gốc của giấy vay nợ.

Tại phiên tòa, ông Vũ Quốc Đ trình bày: Ông cho ông H vay 3 lần tiền cụ thể: Lần 1 là 1.000.000 đồng; Lần 2 là 1.500.000 đồng; Lần 3 là 500.000 đồng ngày cụ thể của các lần vay ông không nhớ nhưng đến ngày 21/10/1991 thì ông và ông H có chốt lại bằng giấy vay đề ngày 21/10/1991. Tại phiên tòa, ông yêu cầu buộc ông H phải trả ông 5,4545 chỉ vàng tương đương với số tiền 28.908.850 đồng và số tiền

lãi suất tính từ tháng 5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông xác định số tiền mà ông cho ông H vay là số tiền của ông và bà Nguyễn Thị Chung (là vợ của ông Vũ Quốc Đ). Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Đ đều khai là ông không có giấy tờ vay gốc giữa ông và ông H. Ông Đ cho rằng ông nộp giấy vay phô tô giữa ông và ông H, sự kiện trên nhiều người biết căn cứ khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự xác định giấy vay photo được xác định là chứng cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Bà Nguyễn Hải Linh, Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Quốc Đ trình bày: Các tài liệu cổ trong hồ sơ vụ án thể hiện lời trình bày của ông Đ phù hợp với lời trình bày của bà Chung và ông Huệ nên cần xác định giấy tờ vay nợ giữa ông Đ và ông H đề ngày 21/10/1991 là tồn tại đến ngày 04/5/2022. Lời khai của ông H là mâu thuẫn, ông H có xác định việc vay mượn giữa ông Đ và ông H nhưng ông H khai là do lâu ngày không nhớ, việc vay nợ giữa ông Đ và ông H đã trả xong. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

* Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 95; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc Đ về việc buộc ông H phải trả 5,4545 chỉ vàng (tương đương với 28.908.850 đồng) theo giấy nhận nợ viết ngày 21/10/1991 và yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi trên số tiền 28.908.850 đồng theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Quốc Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2022, ông Vũ Quốc Đ nộp đơn không cao đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trợ giúp viên pháp lý – bà Nguyễn Hải Linh và ông Vũ Quốc Đ thống nhất trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc đánh giá chứng cứ không khách quan, không liên quan giữa các chứng cứ. Ông Đ có cung cấp được bản phô tô giấy vay nợ và người làm chứng đã xác định

có tài liệu chứng cứ đó trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quốc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Vũ Quốc Đ:

[2.1] Ông Đ khai cho ông H vay tiền tổng là 03 lần thời gian cụ thể như **thế** nào ông không nhớ. Sau đó ngày 21/10/1991 ông H có viết giấy nợ cho ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu ông H phải trả ông 5,4545 chỉ vàng (tương đương với 28.908.850 đồng) theo giấy nhận nợ viết ngày 21/10/1991 và yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi trên số tiền 28.908.850 đồng theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/5/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, ông H không thừa nhận nghĩa vụ này, không đồng ý trả nợ cho ông Đ.

[2.2] Về chứng cứ, tài liệu ông Đ đã giao nộp cho Tòa án có 01 giấy nhận nợ đề ngày 21/10/1991 bản phô tô. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ khai nhận là không có giấy tờ gốc để xuất trình cho Tòa án vì giấy nợ gốc đã bị ông H tiêu hủy. Tuy nhiên, ngoài lời khai ông Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H hủy giấy vay gốc. Ông Nguyễn Khắc Huê là người làm chứng có khai được ông Đ cho ông xem 01 giấy vay nợ là chữ mẫu đen, nội dung cụ thể của giấy vay đó ghi gì thì ông **Huê** không nắm được.

[2.3] Do vậy, việc ông Đ yêu cầu ông H phải trả nợ gốc và nợ lãi theo giấy vay đề ngày 21/10/1991 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quốc Đ.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Đ là người cao tuổi, có đơn đề nghị **miễn** án phí dân sự phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của ông Vũ Quốc Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án **phí** và lệ phí Tòa án: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vũ Quốc Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Tòa án nhân dân TP. B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang